

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**
Bản án số: 37/2018/HS - ST
Ngày 17/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Minh Đường

2. Bà Hoàng Thị Thào

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Ma Thế Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/TLHS - ST ngày 06/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Lương Văn Đ; tên gọi khác: Lương Xuân H; sinh năm 1966; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ph, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Tày, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn T và bà Mã Thị S (Đều đã chết); vợ, con: chưa có (Hiện đang chung sống như vợ chồng với chị Đàm Thị Th);

Tiền án: Có 03 tiền án. Bản án số 06/2010/HSST ngày 30/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 30

tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc Lương Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù. Đến ngày 14/11/2016 thì bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Dương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Hoàng Văn Th; sinh năm 1985; trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Triệu Văn M (tên gọi khác: Triệu Văn M1); sinh năm 1964; trú tại: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 24/6/2018, Lương Văn Đ một mình đi bộ theo đường 279 từ thị trấn Ch, huyện B vào xã B, huyện B, trên đường đi Lương Văn Đ nhặt được 01 chiếc chìa khóa cho vào túi quần. Khoảng 02 giờ ngày 25/6/2018, khi đi qua trước nhà Chu Đức L ở thôn L, xã B, huyện B, Đ thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng biển kiểm soát 98M8 – 4993 để ở sân nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp, Đ đi vào chỗ dựng xe mô tô dùng chìa khóa nhặt được trước đó tra vào ổ khóa rồi dắt xe ra ngoài đường, bật khóa điện, dùng chân đạp cần khởi động để nổ rồi điều khiển ra thị trấn Ch, huyện B và đi theo đường 279 vào nhà Đặng Văn Ph ở thôn C, xã C, huyện B. Trên đường đi Đ mở cốp xe kiểm tra thì thấy 01 chiếc ví bên trong có giấy tờ xe mô tô cùng một số giấy tờ khác, Đ lấy giấy tờ xe còn chiếc ví và giấy tờ khác thì vứt xuống sông. Đến nhà Ph, Đ ăn cơm, ngủ trưa tại nhà Ph, sau đó sang nhà Đặng Văn Kh là em trai của Ph ở bên cạnh. Tại nhà Kh, Đ gặp Triệu Văn M (Tên gọi khác là M1), Đ nói với M là “Có cầm cổ xe mô tô không”, M trả lời là “Có”, qua trao đổi M nhất trí cầm cổ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 của Đ với giá 900.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 05/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 có trị giá tại thời điểm bị mất là 700.000 đồng.

Bị hại Hoàng Văn Th (Sinh năm 1985. Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B) khai: Khoảng 16 giờ ngày 24/6/2018, Hoàng Văn Th có gửi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 tại sân nhà anh Chu Đức L ở cùng thôn. Đến khoảng 06 giờ ngày 25/6/2018 Hoàng Văn Th đến nhà anh L lấy xe để đi làm thì không thấy xe đâu nên hỏi mọi người trong nhà anh L nhưng cũng không ai biết. Xác định chiếc xe mô tô đã bị mất nên Hoàng Văn Th đến Cơ quan chức năng để trình báo yêu cầu giải quyết vụ việc. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ được chiếc xe mô tô là tài sản bị trộm cắp và đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 cùng đăng ký xe cho anh Hoàng Văn Th. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hoàng Văn Th yêu cầu bị cáo Lương Văn Đ phải bồi thường công đi tìm xe với số tiền là 200.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Triệu Văn M (Tên gọi khác M1) khai: Ngày 25/6/2018, Triệu Văn M đến nhà Đặng Văn Kh ở cùng thôn chơi thì gặp Lương Văn Đ nhà ở huyện P, tỉnh Bắc Kạn tại nhà Kh. Đ nói có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 muốn cầm cố với giá 1.000.000 đồng, vì không có phương tiện đi lại nên M đồng ý với giá thỏa thuận là 900.000 đồng. Tại thời điểm nhận cầm cố xe, ông M không biết chiếc xe đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 là tài sản trộm cắp mà có ông Triệu Văn M đã giao nộp chiếc xe cùng đăng ký xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và yêu cầu Lương Văn Đ phải bồi thường số tiền 1.100.000 đồng (Gồm tiền đã bỏ ra để cầm cố chiếc xe là 900.000 đồng và 200.000 là tiền đi lại phục vụ cho công tác điều tra).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản bị mất và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng nhưng bản thân bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp tài sản này đã cấu thành tội phạm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT - VKSBB ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lương Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có tài sản, không có nguồn thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lương Văn Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe máy có dòng chữ Honda của Lương Văn Đ.

Tại phiên toà bị cáo Lương Văn Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại Hoàng Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Văn M.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Đ cũng thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, song giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, mù chữ, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản

1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án là 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội: Ngày 25/6/2018, tại nhà của anh Chu Đức L ở thôn L, xã B, huyện B, Lương Văn Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M8 – 4993 của anh Hoàng Văn Th. Kết quả định giá của Cơ quan chức năng kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 98M8 – 4993 có trị giá tại thời điểm bị mất là 700.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, giá trị tài sản lần trộm cắp này của bị cáo Lương Văn Đ chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng trước đó bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Vì vậy, hành vi lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo trước đây đã nhiều lần phạm tội và đã bị Tòa án xét xử nhiều lần, song bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Năm 2001 bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 21 tháng tù tại bản án số 39/2001/HSST ngày 29/10/2001; năm 2004 bị cáo trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù tại bản án số 13/2005/HSST, ngày 23/8/2005; năm 2005 bị cáo trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù tại bản án số 12/2005/HSST ngày 15/8/2005. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa án tích đối với những lần bị kết án trên. Tuy nhiên sau đó năm 2010 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc tại bản án số 06/2010/HSST ngày 30/6/2010; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012; năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù. Đến ngày 14/11/2016 thì chấp hành án xong, trở về địa phương. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì tính đến thời điểm phạm tội lần này, những lần Lương Văn Đ bị kết án vào các năm 2010, 2012 và 2013 đều chưa được xóa án tích.

Do vậy xác định bị cáo Lương Văn Đ là đối tượng có nhân thân xấu, đã có 03 tiền án, là đối tượng khó giáo dục, cải tạo, không có ý thức chấp hành pháp luật, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản bị trộm cắp chỉ trị giá 700.000 đồng); tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy mức hình phạt tù mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo Lương Văn Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 06 tháng tù là không có căn cứ, không phù hợp do vậy HĐXX không chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể phải chịu phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản, không có nguồn thu nhập ổn định, không có khả năng để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại là anh Hoàng Văn Th yêu cầu bị cáo Lương Văn Đ phải bồi thường công đi tìm xe với số tiền là 200.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn M yêu cầu Lương Văn Đ phải bồi thường số tiền 1.100.000 đồng (Gồm tiền đã bỏ ra để cầm cố chiếc xe là 900.000 đồng và 200.000 đồng là tiền đi lại phục vụ cho công tác điều tra).

Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng chưa thực hiện việc bồi thường thiệt hại.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Hoàng Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Văn M là có căn cứ. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn Th số tiền 200.000 đồng và bồi thường cho anh Triệu Văn M số tiền 1.100.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

01(Một) chiếc chìa khóa xe máy có dòng chữ Honda của Lương Văn Đ là công cụ dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hiện không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác: Lương Xuân H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn Đ phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại Hoàng Văn Th số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Văn M số tiền 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe máy có dòng chữ Honda của Lương Văn Đ.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lương Văn Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Những người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*”

[2] Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 không gây bất lợi đối với quyền và nghĩa vụ các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giải quyết các vấn đề trong vụ án.

